



Merkblatt für Fachkräfte mit akademischer Ausbildung

Hướng dẫn thủ tục xin cấp thị thực dành cho người có trình độ chuyên môn đã qua đào tạo đại học

Vollständiger Name des Antragstellers: _____ (Họ và tên)
Staatsangehörigkeit: _____ (Quốc tịch)

Die nachfolgenden Unterlagen sind bei einer Visumantragstellung bei den deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam vollständig im Rahmen einer persönlichen Vorsprache des Antragstellers vorzulegen.

Người xin thị thực phải trực tiếp có mặt và nộp đầy đủ các giấy tờ nêu dưới đây tại Cơ quan đại diện CHLB Đức tại Việt Nam.

Es wird darum gebeten, die Dokumente in der unten aufgeführten Reihenfolge zu sortieren.

Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.

Jede Unterlage muss jeweils im Original + zwei einfachen (unbeglaubigten) Kopien eingereicht werden. Dokumente in vietnamesischer Sprache sind mit einer Übersetzung ins Deutsche vorzulegen.

Đối với mỗi giấy tờ, Quý vị phải cung cấp bản gốc + 2 bản sao không cần công chứng. Giấy tờ bằng tiếng Việt phải kèm theo bản dịch sang tiếng Đức.

Bitte kreuzen Sie für alle Unterlagen, die Sie vorlegen, die Kästchen in der rechten Spalte an, und unterschreiben Sie am Ende das Merkblatt auf der letzten Seite.

Đề nghị Quý vị đánh dấu giấy tờ có nộp vào các ô ở cột bên phải và kí tên xác nhận ở trang cuối cùng của bản hướng dẫn

Alle Visumanträge zu Studienzwecken müssen nachfolgende Unterlagen enthalten: <i>Hồ sơ xin cấp thị thực dành cho người có trình độ chuyên môn đã qua đào tạo đại học phải có những giấy tờ sau:</i>	Vom Antragsteller eingereicht <i>Người xin thị thực có nộp</i>	Nur durch VFS/AV auszufüllen <i>Chỉ điền bởi nhân viên VFS/Cơ quan đại diện Đức</i>	Anmerkungen <i>Ghi chú</i>
1. vollständig ausgefülltes und vom Antragsteller unterschriebenes Antragsformular für nationale Visa (Online-Antragsformular „VIDEX“) <i>Tờ khai xin cấp thị thực quốc gia (thị thực dài hạn), được khai đầy đủ và có chữ ký của người nộp đơn (tờ khai trực tuyến „VIDEX“).</i>			
2. Zwei aktuelle biometrische Passfotos (45mm x 35mm) (Fotomustertafel) Bitte kleben Sie nur ein Passfoto auf das Antragsformular auf und legen Sie das zweite lose bei. <i>Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học, cỡ 45 mm x 35mm (Hướng dẫn về ảnh chụp xin cấp thị thực). Đề nghị Quý vị dán 1 ảnh vào tờ khai xin cấp thị thực và nộp 1 ảnh để rời.</i>			
3. gültiger Reisepass (oder anerkanntes Passersatzdokument) <i>Hộ chiếu có giá trị (hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu được công nhận).</i>			
4. Tabellarischer und lückenloser Lebenslauf Insbesondere mit Darstellung der bisherigen Ausbildung bzw. Berufstätigkeit <i>Lý lịch theo trình tự thời gian liên tục bằng tiếng Đức. Đặc biệt phải trình bày quá trình đào tạo hoặc nghề nghiệp từ trước đến nay.</i>			
5. Hochschulabschluss Ob Sie einen anerkannten ausländischen Hochschulabschluss oder einen einem deutschen vergleichbaren ausländischen Hochschulabschluss besitzen, können Sie in der Datenbank ANABIN abfragen: http://anabin.kmk.org/ - die Ausdrücke zum Abschluss und zur Hochschule müssen			



<p>vorgelegt werden. Sollte Ihr Abschluss/Ihre Hochschule nicht in der Datenbank eingetragen sein, müssen Sie diese zunächst von der ZAB (Zentralstelle für ausländisches Bildungswesen) anerkennen lassen</p> <p>Bằng tốt nghiệp đại học <i>Để biết bằng tốt nghiệp đại học nước ngoài của Quý vị có được công nhận hoặc có giá trị tương đương bằng tốt nghiệp đại học của Đức không, Quý vị có thể tra cứu trong ngân hàng dữ liệu ANABIN: http://anabin.kmk.org/ - Quý vị phải nộp bản in kết quả tra cứu bằng tốt nghiệp và kết quả tra cứu trường đại học. Nếu bằng tốt nghiệp/trường đại học của Quý vị không có trong ngân hàng dữ liệu, Quý vị phải đề nghị ZAB (Cơ quan trung ương về giáo dục đào tạo nước ngoài) công nhận.</i></p>			
<p>6. Konkretes Arbeitsplatzangebot Als Nachweis dient der vom Arbeitgeber ausgefüllte und unterschriebene Vordruck „Erklärung zum Beschäftigungsverhältnis“. Die angestrebte Tätigkeit muss eine qualifizierte Beschäftigung darstellen. Eine qualifizierte Beschäftigung liegt vor, wenn zu ihrer Ausübung Fertigkeiten, Kenntnisse und Fähigkeiten erforderlich sind, die in einem Studium oder in einer qualifizierten Berufsausbildung erworben werden</p> <p>Thông báo tuyển dụng cụ thể <i>Bản „Tuyên bố về quan hệ lao động“ theo mẫu, do người sử dụng lao động khai và ký tên dùng làm bằng chứng về thông báo tuyển dụng cụ thể. Việc làm dự kiến phải là một công việc chuyên môn. Công việc chuyên môn là công việc mà để thực hiện nó người lao động phải có các kỹ năng, kiến thức và năng lực tích lũy trong quá trình học đại học hoặc học nghề chuyên ngành.</i></p>			
<p>7. Ggf. angemessene Altersversorgung Fachkräfte, die erstmals einen Aufenthaltstitel nach § 18b Abs. 1 AufenthG beantragen und bei Erteilung das 45. Lebensjahr vollendet haben, müssen entweder ein Gehalt in Höhe von 55% der jährlichen Beitragsbemessungsgrenze in der allgemeinen Rentenversicherung (2020: 3.795,- Euro monatlich/45.540 Euro im Jahr) oder eine angemessene Altersversorgung nachweisen, sofern kein begründeter Ausnahmefall vorliegt</p> <p>Trường hợp cần thiết: bằng chứng về việc có lương hưu hợp lý <i>Người có trình độ chuyên môn lần đầu tiên xin cấp giấy phép cư trú theo điều 18b khoản 1 Luật Cư trú Đức và tại thời điểm được cấp đã tròn 45 tuổi, nếu không được xác định là trường hợp ngoại lệ thì phải chứng minh được nhận mức lương bằng 55% mức lương trần đóng bảo hiểm hưu trí của Đức (mức của năm 2020: là 3795 Euro một tháng /45540 Euro một năm) hoặc chứng minh có lương hưu hợp lý.</i></p>			
<p>8. Nachweis über ausreichenden Krankenversicherungsschutz für die Einreise gültig ab dem gewünschten Einreisetag und für eine Dauer von mindestens drei Monaten</p> <p>Chứng nhận có đủ bảo hiểm y tế để nhập cảnh, cho thời gian tối thiểu 3 tháng kể từ ngày nhập cảnh mong muốn.</p>			
<p>9. (Optional) Vorabzustimmung der Bundesagentur für Arbeit bzw. der Ausländerbehörde (beim beschleunigten Fachkräfteverfahren gem. § 81a AufenthG)</p> <p><i>(Tùy chọn, không bắt buộc) Văn bản đồng ý trước với việc nhập cảnh của Cơ quan Lao động liên bang Đức hoặc Sở Ngoại kiều tại Đức (thủ tục rút gọn đối với người có trình độ chuyên môn theo điều 81a Luật Cư trú Đức).</i></p>			



Durch meine Unterschrift bestätige ich, dass ich folgende Informationen verstanden habe:

Für die Dauer der Bearbeitung meines Visumantrags verbleibt der Reisepass bei der Visastelle der deutschen Auslandsvertretung. Unvollständig abgegebene Antragsunterlagen können eine längere Bearbeitungsdauer notwendig machen oder zu einer Ablehnung des Visumantrags führen.

Verweigerte, bewusst falsche oder unvollständige Angaben im Visumverfahren können ein Ausweisungsinteresse begründen.

Die deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam behalten sich das Recht vor, weitere, über die o.g. Liste hinausgehende Unterlagen oder Informationen bei Bedarf nachzufordern.

Với việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã hiểu rõ các thông tin sau:

Hộ chiếu của tôi sẽ được lưu tại Phòng Thị thực của Cơ quan đại diện CHLB Đức trong thời gian xử lý hồ sơ xin cấp thị thực.

Việc nộp hồ sơ không đầy đủ giấy tờ có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối.

Việc từ chối cung cấp thông tin, cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ trong quá trình xin cấp thị thực có thể là lý do để trục xuất.

Ngoài những giấy tờ nêu trên, Cơ quan đại diện CHLB Đức có quyền yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ hoặc thông tin khác nếu cần thiết.

Ort und Datum/Địa điểm và ngày

Unterschrift des Antragstellers/Chữ ký của người nộp đơn
